

Số: /TTr-UBND

Quảng Nam, ngày tháng năm 2022

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc hộ nghèo đang hưởng chính sách người có công cách mạng và bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (Thay thế Nghị quyết số 49/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 của HĐND tỉnh Quảng Nam)**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc hộ nghèo đang hưởng chính sách người có công cách mạng và bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (thay thế Nghị quyết số 49/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh, được sửa đổi tại Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh - sau đây viết chung là Nghị quyết số 49/2018/NQ-HĐND) như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Cơ sở pháp lý ban hành Nghị quyết**

a) Hiện nay, các văn bản pháp lý làm căn cứ ban hành Nghị quyết số 49/2018/NQ-HĐND đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng các văn bản pháp lý mới, cụ thể:

- Nghị quyết 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020 đã tổng kết, đánh giá và hết hiệu lực);

- Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021 của Chính phủ Quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng; Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (thay thế cho các chế độ quy định tại Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 và Nghị định số 58/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ);

- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (thay thế cho Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ); trong đó:

+ Tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định: “2. *Mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 là 360.000 đồng/tháng. Tùy theo khả năng cân đối của ngân sách, tốc độ tăng giá tiêu dùng và tình hình đời sống của đối tượng bảo trợ xã hội, cơ quan có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh tăng mức chuẩn trợ giúp xã hội cho phù hợp; bảo đảm tương quan chính sách đối với các đối tượng khác.*”

+ Tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định: “3. *Tùy thuộc điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định:*

a) *Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn bảo đảm không thấp hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này;*”.

- Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (thay thế cho Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ)<sup>1</sup>;

b) Ngoài ra, hiện nay Trung ương và tỉnh Quảng Nam ban hành nhiều chủ trương mới để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững gắn với thực hiện chính sách an sinh xã hội đến năm 2030, cụ thể: Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII ban hành Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030<sup>2</sup>; Chính phủ ban hành Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 22/12/2021 về thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII; trong đó, tại điểm 3 Mục II Kế hoạch ban hành kèm theo Nghị quyết số 160/NQ-CP nêu: “3. *Tiếp tục hoàn thiện, thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách giảm nghèo*

- *Tiếp tục hoàn thiện chính sách giảm nghèo, chuẩn nghèo đa chiều gắn với mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu tăng dần và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân.*

- *Đổi mới cách tiếp cận về giảm nghèo, tăng cường các chính sách hỗ trợ có điều kiện, bảo trợ xã hội đối với hộ nghèo không có khả năng lao động, chính sách trợ giúp pháp lý...*”.

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII đề ra mục tiêu: “*Bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân*”.

<sup>1</sup> Tại điểm c khoản 3 Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định: “c) *Chuẩn hộ có mức sống trung bình: - Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng. - Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng*”; Tại điểm c khoản 7 Điều 5 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định: “c) *Tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao thu nhập và khả năng tiếp cận, sử dụng hiệu quả các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân trên địa bàn.*”

<sup>2</sup> Tại điểm 3 Chỉ thị số 05-CT/TW nêu: “3. *Tiếp tục hoàn thiện chính sách giảm nghèo, chuẩn nghèo đa chiều gắn với mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu tăng dần và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; đổi mới cách tiếp cận về giảm nghèo, ban hành chính sách hỗ trợ có điều kiện, tăng cường tin dụng chính sách xã hội cho người nghèo, bảo trợ xã hội đối với hộ nghèo không có khả năng lao động...*”.

- Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/5/2021 tiếp tục đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; trong đó đề ra mục tiêu: *“Đảm bảo an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân trong tỉnh nhằm cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và đối tượng có hoàn cảnh khó khăn khác, là điều kiện để đảm bảo cho sự phát triển ổn định và bền vững của tỉnh trong những năm đến.”*

Trên cơ sở các quy định nêu trên, kế hoạch tổ chức các kỳ họp trong năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X; Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc hộ nghèo đang hưởng chính sách người có công cách mạng và bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (thay thế hoàn toàn, không sửa đổi bổ sung Nghị quyết số 49/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND) là phù hợp với các quy định mới của pháp luật, đảm bảo đúng theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, nội dung Chỉ thị số 05-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Nghị quyết số 160/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 06-NQ/TU của Tỉnh ủy và các văn bản quy định có liên quan khác của Trung ương.

## **2. Cơ sở thực tiễn xây dựng, ban hành Nghị quyết**

a) Kết quả thực hiện: Trong 03 năm (2019-2021), Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân bổ 67,002 tỷ đồng từ nguồn ngân sách tỉnh để thực hiện Nghị quyết số 49/2018/NQ-HĐND, cụ thể, năm 2019: 23,277 tỷ đồng; năm 2020: 23,277 tỷ đồng; năm 2021: phân bổ 20,448 tỷ đồng. Từ nguồn kinh phí trên, các địa phương trên địa bàn tỉnh đã thực hiện chi trả chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho 21.839 lượt đối tượng, kinh phí 55,822 tỷ đồng; trong đó: đối tượng người có công: 513 lượt đối tượng, kinh phí: 2,198 tỷ đồng; đối tượng người cao tuổi: 12.390 lượt đối tượng, kinh phí 26,458 tỷ đồng; đối tượng người khuyết tật: 8.936 lượt đối tượng, kinh phí: 27,166 tỷ đồng (có Báo cáo kèm theo).

### **b) Những hạn chế, khó khăn**

Hiện nay, các căn cứ pháp lý để xây dựng Nghị quyết số 49/2018/NQ-HĐND hết hiệu lực thi hành và được thay thế bởi các văn bản mới của Trung ương (như đã nêu ở phần cơ sở pháp lý); mức sống trung bình của từng khu vực đã được điều chỉnh nâng lên theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP cao hơn mức quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 49/2018/NQ-HĐND; trung ương không còn quy định *“Hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội”*<sup>3</sup> thay vào đó là *“Hộ nghèo không có khả năng lao động”*<sup>4</sup>; mức trợ cấp ưu đãi hàng tháng cho một số đối tượng là người có công, mức trợ cấp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội vẫn còn thấp hơn nhiều so với mức sống trung bình, chưa đảm

<sup>3</sup> Theo khoản 6 Điều 2 Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - TBXH: *“Hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội là hộ có ít nhất một thành viên trong hộ là đối tượng đang hưởng chính sách bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật và các thành viên khác trong hộ không có khả năng lao động”*.

<sup>4</sup> Theo điểm 3 Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021; hướng dẫn tại Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động – TBXH: *“Hộ nghèo không có khả năng lao động là hộ nghèo không có thành viên trong độ tuổi lao động hoặc có thành viên trong độ tuổi lao động nhưng mất khả năng lao động”*.

bảo thực hiện tốt theo chủ trương của Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Hội nghị Trung ương 5 (khóa XI) về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020 và Chỉ thị số 05-CT/TW của Ban Bí thư; đối tượng thụ hưởng chính sách quy định tại Nghị quyết số 49/2018/NQ-HĐND hạn chế trong khi Chính phủ bổ sung thêm một số đối tượng bảo trợ xã hội mới tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP (thay thế Nghị định số 136/2013/NĐ-CP), do đó vẫn còn một số đối tượng bảo trợ xã hội khác có hoàn cảnh rất khó khăn chưa được bổ sung để hưởng chính sách của Nghị quyết số 49/2018/NQ-HĐND (*như nhóm đối tượng trẻ em dưới 16 tuổi mồ côi cả cha lẫn mẹ, mất nguồn nuôi dưỡng quy định tại khoản 1 Điều 5; nhóm trẻ em dưới 03 tuổi con của hộ nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn quy định tại khoản 7 Điều 5; nhóm trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo và nhóm người cao tuổi từ đủ 75-80 tuổi thuộc hộ nghèo mới bổ sung quy định tại điểm b khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; nhóm người cao tuổi từ đủ 75-80 tuổi thuộc hộ nghèo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND*). Bên cạnh đó, nguồn kinh phí chỉ bố trí thực hiện chính sách, chưa bố trí hỗ trợ cho cấp huyện và xã trong tổ chức triển khai, xác lập hồ sơ, thẩm định trình phê duyệt, lập danh sách đối tượng gửi cơ quan Buu điện để chi trả chính sách.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

a) Việc ban hành Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 49/2018/NQ-HĐND nhằm đảm bảo thực hiện đúng chủ trương, chính sách và các quy định mới của Chính phủ trong thực hiện chính sách ưu đãi cho người có công, chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và chuẩn mức sống trung bình của quốc gia theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP.

b) Tiếp tục kế thừa, phát triển chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 49/2018/NQ-HĐND nhằm không ngừng cải thiện, nâng mức trợ cấp cho người đang hưởng chính sách trợ cấp bảo trợ xã hội hằng tháng sống trong hộ nghèo không có khả năng lao động và người đang hưởng trợ cấp ưu đãi người có công cách mạng hằng tháng sống trong hộ nghèo chính sách người có công<sup>5</sup> nhưng có mức trợ cấp thấp hơn mức sống trung bình của từng khu vực để cải thiện thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo an sinh xã hội, góp phần thực hiện tốt mục tiêu của Nghị quyết số 15-NQ/TW.

c) Bổ sung thêm một số đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn khác thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động chưa được quy định tại Nghị quyết số 49/2018/NQ-HĐND vào Nghị quyết mới để được hưởng chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống, gồm: đối tượng trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng, trẻ em nhiễm HIV/AIDS, trẻ em dưới 03 tuổi thuộc hộ nghèo

<sup>5</sup> Theo hướng dẫn tại Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - TBXH: "*Hộ nghèo có đối tượng người có công với cách mạng là hộ nghèo có ít nhất một thành viên trong hộ là người có công với cách mạng đang hưởng chính sách trợ cấp ưu đãi hằng tháng*".

sinh sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn, người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng.

## **2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết**

a) Chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống đã được khảo sát, thống kê, sơ kết đánh giá và xây dựng, trình ban hành Nghị quyết mới là hoàn toàn phù hợp với các văn bản, quy định mới ban hành; phù hợp với đặc điểm, mức độ khó khăn, nhóm đối tượng theo nguyên tắc ưu tiên cho nhóm khó khăn hơn (trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật) góp phần đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

b) Các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh chưa quy định tại Nghị quyết số 49/2018/NQ-HĐND được đề xuất bổ sung để được hưởng chính sách cải thiện mức sống phải là đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, cần sự trợ giúp của nhà nước để trang trải chi phí sinh hoạt, cải thiện cuộc sống; đồng thời thực hiện tốt chuẩn nghèo đa chiều theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP.

c) Đảm bảo các nguyên tắc trong thực hiện chính sách người có công và bảo trợ xã hội; phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; áp dụng theo đúng các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương trong thực hiện Pháp lệnh Người có công, chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, chuẩn mức sống trung bình của quốc gia theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP, đơn giản thủ tục hành chính trong xác định đối tượng thực hiện chính sách.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

1. Ngày 27/01/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (thay thế Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ); ngày 15/3/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (thay thế Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ); ngày 24/7/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 75/2021/NĐ-CP, trong đó các chế độ của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ hết hiệu lực từ ngày 31/12/2021.

2. Căn cứ quy định của các văn bản nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh đã báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh đưa vào chương trình kỳ họp thứ 6 (nay là kỳ họp thứ 7), Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa X *Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 49/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 và Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc hộ nghèo đang hưởng chính sách người có công cách mạng và bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh*, được Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất lại Thông báo số 01/TB-HĐND ngày 06/01/2022 (**đánh giá, ban hành Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 49/2018/NQ-HĐND, không sửa đổi bổ sung**).

3. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 600/UBND-TH ngày 25/01/2022 về việc chuẩn bị các nội dung của Ủy ban nhân dân tỉnh dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X tại kỳ họp thứ 6 (tổ chức vào tháng 04/2022); trong đó, giao nhiệm vụ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu, xây dựng trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 49/2018/NQ-HĐND, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 10/3/2022 để xem xét, tổ chức họp cho ý kiến, dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X tại kỳ họp thứ 6 (nay là kỳ họp thứ 7); tại cuộc họp ngày 09/3/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất chủ trương đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 49/2018/NQ-HĐND (không sửa đổi, bổ sung).

4. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 49/2018/NQ-HĐND, thống kê số lượng đối tượng người có công cách mạng và bảo trợ xã hội sống trong hộ nghèo; đề xuất đối tượng, chính sách hỗ trợ; tổng hợp, nghiên cứu, xây dựng hồ sơ về Nghị quyết *Quy định chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc hộ nghèo đang hưởng chính sách người có công cách mạng và bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam*; tổ chức lấy ý kiến (họp, công văn đề nghị góp ý; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội...), đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo chất lượng, sát thực tiễn và đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

5. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 45/BC-STP ngày 25/3/2022 và cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, giải trình, hoàn thiện (*gồm dự thảo: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, Quyết định triển khai Nghị quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh*); tổ chức lấy ý kiến các Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

#### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Bố cục:** Nghị quyết gồm có 05 Điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ.

Điều 4. Kinh phí thực hiện.

Điều 5. Tổ chức thực hiện.

## **2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết**

a) Tên gọi của Nghị quyết: Quy định chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc hộ nghèo đang hưởng chính sách người có công cách mạng và bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

b) Các nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết:

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc hộ nghèo đang hưởng chính sách người có công cách mạng và bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Người có công cách mạng sống trong hộ nghèo đang hưởng mức trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng thấp hơn ngưỡng trên của mức sống trung bình từng khu vực theo quy định của Chính phủ.

2. Người cao tuổi theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ và điểm đ khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam, sống trong hộ nghèo không có khả năng lao động, gồm:

a) Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng;

b) Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, không thuộc diện quy định ở điểm a khoản này;

c) Người từ đủ 80 tuổi trở lên không thuộc diện quy định tại điểm a khoản này mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng;

d) Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng, đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội nhưng có người nhận nuôi dưỡng, chăm sóc tại cộng đồng.

3. Người khuyết tật nặng, đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, sống trong hộ nghèo không có khả năng lao động.

4. Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, sống trong hộ nghèo không có khả năng lao động.

5. Trẻ em nhiễm HIV/AIDS sống trong hộ nghèo không có khả năng lao động theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

6. Trẻ em dưới 03 tuổi sống trong hộ nghèo không có khả năng lao động cư trú tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn quy định tại khoản 7 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

### **Điều 3. Chính sách hỗ trợ**

1. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được ngân sách tỉnh hỗ trợ số tiền chênh lệch giữa mức trợ cấp ưu đãi người có công cách mạng hàng tháng so với ngưỡng trên của mức sống trung bình từng khu vực.

Ngưỡng trên của mức sống trung bình từng khu vực để tính số tiền hỗ trợ chênh lệch mức trợ cấp ưu đãi người có công cách mạng như sau: Thành thị: 3.000.000 đồng/người/tháng; nông thôn: 2.250.000 đồng/người/tháng.

2. Đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 2 Nghị quyết này được ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm 0,5 lần so với mức trợ cấp xã hội hàng tháng đối tượng đang hưởng theo mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Nam (hiện nay là 360.000 đồng/tháng).

3. Khi chuẩn mức sống trung bình từng khu vực, mức chuẩn trợ giúp xã hội hàng tháng được cấp có thẩm quyền điều chỉnh thì mức hỗ trợ cải thiện mức sống của các đối tượng theo quy định tại Nghị quyết này được điều chỉnh theo mức tương ứng; trong đó, mức sống trung bình từng khu vực được điều chỉnh theo ngưỡng trên tại văn bản điều chỉnh của cấp có thẩm quyền.

### **Điều 4. Kinh phí thực hiện**

Dự kiến tổng kinh phí thực hiện chính sách khoảng 26,105 tỷ đồng/năm và do ngân sách tỉnh đảm bảo thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Định kỳ hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức sơ kết đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết, kịp thời đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh sửa đổi, bổ sung chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc hộ nghèo đang hưởng chính sách người có công cách mạng và bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh. Chủ động điều chỉnh mức hỗ trợ cải thiện mức sống của các đối tượng khi chuẩn mức sống trung bình từng khu vực, mức chuẩn trợ giúp xã hội hàng tháng được cấp có thẩm quyền điều chỉnh.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.



Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa X, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày ..... tháng 4 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ..... năm 2022 và thay thế Nghị quyết số 49/2018/NQ-HĐND ngày 06 ngày 12 ngày 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc hộ nghèo đang hưởng chính sách người có công cách mạng và bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về bãi bỏ khoản 4 và khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 49/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc hộ nghèo đang hưởng chính sách người có công cách mạng và bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

*Như vậy, với nội dung dự thảo nêu trên số lượng đối tượng người có công cách mạng được tỉnh Quảng Nam quy định tại Nghị quyết này là 243 đối tượng, nhu cầu kinh phí do ngân sách tỉnh đảm bảo thực hiện là 3,654 tỷ đồng/năm (Chi tiết tại Phụ lục II đính kèm) và đối tượng bảo trợ xã hội được quy định tại Nghị quyết này là 7.562 đối tượng, nhu cầu kinh phí do ngân sách tỉnh đảm bảo thực hiện là 22,450 tỷ đồng/năm (Chi tiết tại Phụ lục III đính kèm). Tổng nhu cầu kinh phí ngân sách tỉnh bố trí thực hiện Nghị quyết 01 năm là 26,105 tỷ đồng, hỗ trợ cho 7.805 đối tượng (Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).*

#### **V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN: Không có.**

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc hộ nghèo đang hưởng chính sách người có công cách mạng và bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (thay thế Nghị quyết số 49/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018, được sửa đổi tại Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh), Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

*Xin gửi kèm theo:*

*1. Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc hộ nghèo đang hưởng chính sách người có công cách mạng và bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.*

*2. Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam Quy định chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc hộ nghèo đang hưởng chính sách người có công cách mạng và bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.*

*3. Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 49/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh về Chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc hộ nghèo đang hưởng chính sách người có công cách mạng và bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.*

*4. Bảng tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan và các địa phương.*

5. Báo cáo số 45/BC-STP ngày 25/3/2022 của Sở Tư pháp về kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc hộ nghèo đang hưởng chính sách người có công cách mạng và bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

6. Báo cáo của cơ quan soạn thảo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp về kết quả thẩm định Dự thảo Nghị quyết.

7. Báo cáo của cơ quan soạn thảo về đánh giá tác động của chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc hộ nghèo đang hưởng chính sách người có công cách mạng và bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

8. Các văn bản pháp luật có liên quan làm căn cứ trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết.

Kính trình./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh Khoá X, Kỳ họp thứ 7;
- Các Ủy viên UBND tỉnh;
- Các Sở: LĐ-TB&XH, Tài chính, Tư pháp;
- Lưu: VT, TH, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Anh Tuấn**